

TÍNH ĐA DẠNG CỦA CÁC BÀI THUỐC DÂN TỘC TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC M'NÔNG VÀ LÀO TẠI HUYỆN BUON ĐƠN, TỈNH ĐẮC LẮC

NGUYỄN VĂN DƯ, TRẦN HUY THÁI, HÀ TUẤN ANH,
TRẦN MINH HỢI, BÙI VĂN THANH, BÙI VĂN HƯỜNG

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật
Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam

Từ kết quả điều tra các bài thuốc dân tộc trong 2 cộng đồng người M'Nông và Lào tại huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắc Lắc, các tác giả đã thống kê được 238 bài thuốc dân tộc. Trong số đó có: 44 bài thuốc trị giun sán và các bệnh liên quan tới đường tiêu hóa; 41 bài thuốc cho phụ nữ sau khi sinh; 29 bài thuốc trị sốt; 18 bài thuốc bổ dưỡng; 18 bài thuốc chữa mụn nhọt và các bệnh ngoài da; 14 bài thuốc trị rắn và côn trùng cắn, đốt; 12 bài thuốc trị ho và các bệnh cảm mạo; 11 bài thuốc trị các bệnh liên quan tới thận, đường tiết niệu; 9 bài thuốc điều trị các bệnh về xương khớp; 8 bài thuốc trị đau dạ dày; 7 bài thuốc chữa đau răng; 7 bài thuốc cầm máu; 5 bài thuốc chữa phù; 4 bài thuốc liên quan tới mắt; 2 bài thuốc điều trị chứng liệt tay chân; 2 bài thuốc điều trị gan; 2 bài thuốc trị chứng thương hàn và 5 bài thuốc chữa trị các bệnh khác. 197 loài cây thuốc thu được từ các bài thuốc dân tộc phân bố trong 69 họ thực vật thuộc các nhóm thực vật như dương xỉ (2 họ), một lá mầm (9 họ), và chủ yếu thuộc nhóm thực vật hai lá mầm (58 họ). Trong số đó, các họ có số chi và số loài nhiều nhất là họ đậu (Fabaceae) có 17 loài thuộc 10 chi; họ cà phê (Rubiaceae) có 15 loài thuộc 11 chi và họ thầu dầu (Euphorbiaceae) có 12 loài thuộc 9 chi.

THE DIVERSITY OF TRADITIONAL REMEDIES OF M'NONG AND LAO COMMUNITIES IN BUON DON DISTRICT, DAC LAC PROVINCE

Summary

From the result of investigation of traditional remedies of M'Nong and Lao communities in Buon Don district, Dak Lac province, the authors have counted 238 remedies belonging to 18 different disease groups. Among them, the group of treating parasitic worm and digestive disease is the highest with 44 remedies; the second place is the group of woman after giving birth with 41 remedies; the group of treating cold and fever with 29 remedies; two groups of tonic medicine and treating dermatological diseases with 18 remedies for each; 3 other disease groups with over 10 remedies; the remain groups with under 10 remedies. 197 medicinal plants used in 238 investigated traditional remedies are allocated into 69 different families such as Pteridophyta (2 families), Monocotyledone (9 families) and mainly in Dicotyledone (58 families). Among them, Fabaceae is the highest with 17 species falling into 10 genera; Rubiaceae is the second with 15 species falling into 11 genera and Euphorbiaceae with 12 species falling into 9 genera.

Mở đầu

Tây Nguyên có đặc điểm địa hình và khí hậu đa dạng và khá phức tạp, có thể chia thành ba tiểu vùng địa hình đồng thời là ba tiểu vùng khí hậu, gồm Bắc Tây Nguyên (bao gồm Kon Tum và Gia Lai), Trung Tây Nguyên (bao gồm Đắc Lắc và Đắc Nông), Nam Tây Nguyên (tỉnh Lâm Đồng). Tiểu vùng Trung Tây Nguyên có độ cao thấp hơn và nền nhiệt độ cao hơn hai tiểu vùng phía Bắc và Nam. Với vị trí địa lý như vậy, cộng với sự đa dạng về địa hình và khí hậu đã tạo nên một hệ thực vật khá phong phú và đa dạng. Theo các tài liệu về thực vật và cây thuốc, chúng tôi đã thống kê được 2.969 loài thực vật có giá trị làm thuốc ở Tây Nguyên. Đây quả thực là một con số ấn tượng về nguồn tài nguyên dược liệu của Việt Nam.

Dân số Tây Nguyên là 4.668.142 người, gồm 46 dân tộc, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số là 1.181.337 người (chiếm 25,3% dân số). Có khoảng 15 dân tộc bản xứ như Ba Na, Gia Rai, Ê đê, Cơ Ho, Mạ, Xơ Đăng, M'Nông, Lào... Từ



Phỏng vấn người dân về các cây thuốc

lâu đời, các dân tộc ở Tây Nguyên đã biết sử dụng cây cỏ làm thuốc để chữa trị hay để phòng chống bệnh tật và bảo vệ sức khỏe. Tuy nhiên, mỗi dân tộc lại có cách sử dụng các loài cây thuốc khác nhau hay các bộ phận khác nhau để chữa trị cùng một loại bệnh. Huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk nằm ở rìa phía Tây Nam của đất nước, giáp với biên giới Campuchia, nơi thảm thực vật chủ yếu là rừng khộp xen kẽ những mảng rừng thường xanh khô trên đất thấp. Ở huyện Buôn Đôn, 2 dân tộc có dân số đông nhất là người M'Nông và người Lào. Cả hai dân tộc M'Nông và Lào đều là những dân tộc nổi tiếng nhất trong các dân tộc ở Tây Nguyên có những bài thuốc dân gian và sử dụng các loài cây thuốc độc đáo. Qua các chuyến điều tra về các bài thuốc và các cây thuốc được sử dụng trong các bài thuốc dân tộc ở Tây Nguyên, chúng tôi đã thu thập được một số lượng các bài thuốc của đồng bào M'Nông và Lào ở huyện Buôn Đôn. Trong bài báo này, chúng tôi thống kê và đánh giá về các bài thuốc và cây thuốc dân tộc đã thu thập được trong đợt điều tra thực vật dân tộc học ở huyện Buôn Đôn tháng 3.2012.

Nội dung và phương pháp nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu

- Điều tra các bài thuốc và cây thuốc đã và đang được sử dụng trong cộng đồng 2 dân tộc M'Nông và Lào tại huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

- Đánh giá tính đa dạng về các bài thuốc, cây thuốc được sử dụng trong các bài thuốc của 2 dân tộc M'Nông và Lào tại huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Phương pháp nghiên cứu

- Phỏng vấn trực tiếp các ông lang, bà mẹ về các bài thuốc đang được sử dụng trong cộng đồng 2 dân tộc M'Nông và Lào ở huyện Buôn Đôn.

- Điều tra và thu thập mẫu các cây thuốc được sử dụng trong các bài thuốc đã phỏng vấn có sự tham gia của người được phỏng vấn. Các phương pháp thu mẫu dùng trong phân loại thực vật theo quy chuẩn của Phòng tiêu bản thực vật (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật) (thu mẫu tiêu bản, mẫu ngâm cồn, chụp ảnh tư liệu); thu mẫu dùng cho phân tích hóa dược (mẫu nguyên liệu của các bộ phận khác nhau của cây) theo quy chuẩn thu mẫu tài nguyên sinh vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

- Phương pháp thu thập thông tin thực vật dân tộc học theo Gary J. Martin (2002).

- Việc xác định tên khoa học các loài cây thuốc được các chuyên gia của các nhóm thực vật tiến hành dựa vào phương pháp so sánh hình thái theo các tài liệu về phân loại thực vật.

Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Tính đa dạng các bài thuốc dân tộc thu thập được của dân tộc M'Nông và Lào tại huyện Buôn Đôn

Đề tài đã tiến hành điều tra tri thức bản địa về các bài thuốc và cây thuốc được sử dụng trong các bài thuốc. Kết quả được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1: số lượng bài thuốc chữa các chứng bệnh khác nhau

STT	Các bài thuốc chữa các chứng bệnh khác nhau	Số lượng bài thuốc
1	Bài thuốc trị giun sán và các bệnh liên quan tới đường tiêu hóa	44
2	Bài thuốc cho phụ nữ sau khi sinh	41
3	Bài thuốc trị sốt	29
4	Bài thuốc bổ dưỡng	18
5	Bài thuốc chữa mụn nhọt và các bệnh ngoài da	18
6	Bài thuốc trị rắn và côn trùng cắn, đốt	14
7	Bài thuốc trị ho và các bệnh cảm mạo	12
8	Bài thuốc trị các bệnh liên quan tới thận, đường tiết niệu	11
9	Bài thuốc điều trị các bệnh về xương khớp	9
10	Bài thuốc trị đau dạ dày	8
11	Bài thuốc chữa đau răng	7
12	Bài thuốc cầm máu	7
13	Bài thuốc chữa phù	5
14	Bài thuốc liên quan tới mắt	4
15	Bài thuốc điều trị chứng liệt tay chân	2
16	Bài thuốc điều trị gan	2
17	Bài thuốc trị chứng thương hàn	2
18	Bài thuốc chữa trị các bệnh khác	5
	Tổng số	238



Tìm hiểu về các bài thuốc dân tộc

Số liệu thống kê ở bảng 1 cho thấy, các bài thuốc của 2 dân tộc M'Nông và Lào ở huyện Buôn Đôn có tính đa dạng cao về các nhóm bệnh với 18 nhóm bệnh khác nhau. Các nhóm bệnh có số lượng bài thuốc cao thường tập trung ở các bệnh phát sinh do điều kiện sinh hoạt còn lạc hậu như các bệnh về giun sán, về đường tiêu hóa, hay nhóm bệnh sau sinh do các dịch vụ y tế tại địa phương còn hạn chế. Do Tây Nguyên có khí hậu thất thường, nắng nóng, chiều mưa, nên các bệnh thông thường như cảm sốt thường xuyên xuất hiện. Để phòng tránh và điều trị các bệnh này, đồng bào thường tìm ra các bài thuốc từ các cây thuốc có sẵn ở địa phương để điều trị tại chỗ nên số lượng các bài thuốc này cũng khá cao (29 bài). Do cuộc sống thường xuyên phải lao động chân tay, tiếp xúc trực tiếp với môi trường thiên nhiên rừng rú, việc chăm sóc sức khỏe là rất quan trọng, đồng bào đã tìm ra nhiều bài thuốc bổ dưỡng để tự chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, chữa trị các bệnh ngoài da do điều kiện ăn ở còn lạc hậu nên số lượng các bài thuốc thuộc 2 nhóm này cũng tương đối cao (18 bài). Do điều kiện sống gần rừng, các sinh hoạt và hoạt động của đồng bào thường gắn liền với rừng nên các tai nạn do rắn cắn hay côn trùng đốt cũng xảy ra thường xuyên, các bài thuốc để chữa trị nhóm bệnh này cũng cao hơn một số nhóm bệnh khác (14 loài).

Tính đặc hiệu của các loài cây thuốc trong các bài thuốc dân tộc

Bảng 2 cho thấy, trong 238 bài thuốc thu được, phần lớn các bài thuốc chỉ sử dụng 1 loài cây thuốc (83,1%). Điều này cho thấy tính đặc hiệu của các loài cây thuốc được sử dụng là rất cao.

Bảng 2: số loài và số bài thuốc sử dụng ở huyện Buôn Đôn

Dạng bài thuốc	Số bài thuốc	Tỉ lệ %
Bài thuốc sử dụng 1 loài	198	83,1
Bài thuốc sử dụng 2 loài	23	9,7
Bài thuốc sử dụng 3 loài	9	3,8
Bài thuốc sử dụng 4 loài	3	1,3
Bài thuốc sử dụng >5 loài	5	2,1
Tổng	238	100

Tính đa dạng của cây thuốc trong các bài thuốc

Dựa trên thông tin của 238 bài thuốc dân tộc thu thập được, các loài cây thuốc được sử dụng trong các bài thuốc đã được thu thập, qua giám định và phân loại thực vật đã xác định 238 bài thuốc đã sử dụng 197 loài cây thuốc thuộc 69 họ, phân bố theo các nhóm dương xỉ (2 họ), một lá mầm (9 họ), và chủ yếu thuộc nhóm hai lá mầm (58 họ). Trong số đó, các họ có số chi và số loài nhiều nhất là họ đậu (Fabaceae) có 17 loài thuộc 10 chi, họ cà phê (Rubiaceae) có 15 loài thuộc 11 chi, họ thầu dầu (Euphorbiaceae) có 12 loài thuộc 9 chi.

Từ các kết quả thu được, so sánh với những tài liệu cây thuốc đã xuất bản, kết quả thống kê cho thấy các loài được bổ sung công dụng theo các nhóm bệnh như sau (xem bảng 3):

Bảng 3: Các loài thuốc và công dụng

TT	Nhóm bệnh	Số loài bổ sung
1	Bệnh phụ nữ sau khi sinh	24
2	Bệnh về sốt	11
3	Bệnh đường ruột và đường tiêu hóa	9
4	Thuốc bổ, tăng lực	8
5	Bệnh thận và đường tiết niệu	8
6	Bệnh u nhọt	7
7	Bệnh mỏi mệt, xương khớp	5
8	Trị rắn rết và các loại côn trùng cắn, đốt	4
9	Bệnh về mắt	3
10	Bệnh ho, hen	2
11	Bệnh ngoài da, phù thũng	2
12	Bệnh đau răng	2
	Tổng số	85



Phòng vấn bà lang về các bài thuốc và cây thuốc dân tộc

Bảng 3 cho thấy, 85 loài cây thuốc được bổ sung công dụng theo 12 nhóm bệnh khác nhau. Trong đó, nhóm bệnh phụ nữ sau khi sinh có 24 loài: *Aganosma acuminata* (Roxb.) G. Don, *Antidesma ghaesembilla* Gaertn., *Bombax anceps* Pierre, *Bridelia cambodiana* Gagnep., *Capparis micrantha* A.Rich., *Dalbergia mammosa* Pierre...; nhóm bệnh về sốt - 11 loài: *Desmodium griffithianum* Benth., *Diospyros ehretioides* Wall. ex A. DC., *Elaeocarpus tonkinensis* Aug. DC., *Irvingia malayana* Oliver ex Bennet...; nhóm chữa trị các bệnh về đường ruột và tiêu hóa - 9 loài: *Anogeisus acuminatus* (Roxb. ex DC.) Guill. & Perr., *Careya sphaerica* Roxb., *Christia obcordata* (Poir.) Bakh. F. ex Meeuwen, *Oroxylum indicum* (L.) Kurz...; nhóm làm thuốc bổ, tăng lực - 8 loài: *Aganosma acuminata* (Roxb.) G. Don, *Antidesma ghaesembilla* Gaertn., *Clausena excavata* Burm. f., *Flacourtia indica* (Burm. f.) Merr...; nhóm chữa trị bệnh thận và đường tiết niệu, bệnh đái đường - 8 loài: *Canarium subulatum* Guill., *Hydrolea zeylanica* (L.) Vahl, *Oroxylum indicum* (L.) Kurz...; nhóm điều trị các bệnh u nhọt - 7 loài: *Achyranthes aspera* L., *Dalbergia volubilis* Roxb., *Helicteres angustifolia* L...; nhóm điều trị mỗi mệ và các bệnh về xương khớp - 5 loài: *Costus speciosus* (J. Koenig) Sm., *Dalbergia volubilis* Roxb., *Helicteres angustifolia* L...; nhóm trị rắn rết và các loài côn trùng cắn - 4 loài: *Alstonia scholaris* (L.) R. Br., *Careya sphaerica* Roxb., *Entada glandulosa* Pierre ex Gagnep...; nhóm chữa bệnh về mắt - 3 loài; nhóm trị ho, hen - 2 loài; bệnh ngoài da và phù thũng - 2 loài, và chữa đau răng - 2 loài.

Kết luận

1. Hai dân tộc M'Nông và Lào ở huyện Buôn Đôn đã có truyền thống lâu đời trong việc sử dụng các loài

cây thuốc để điều trị bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng với 238 bài thuốc thuộc 18 nhóm bệnh khác nhau.

2. Với hơn 83% các bài thuốc chỉ sử dụng 1 loài cây thuốc cho thấy, cây thuốc được sử dụng trong các bài thuốc dân tộc có tính đặc hiệu cao, đồng bào dân tộc ở huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk có truyền thống sử dụng cây thuốc từ lâu đời. Cây thuốc góp phần quan trọng trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng tại địa phương.

3. Tính đa dạng của các loài cây thuốc được sử dụng trong các bài thuốc dân tộc của đồng bào M'Nông và Lào ở huyện Buôn Đôn là khá cao với 197 loài cây thuốc thu được từ các bài thuốc dân tộc phân bố trong 69 họ thực vật thuộc các nhóm dương xỉ (2 họ), một lá mầm (9 họ), và chủ yếu thuộc nhóm 2 lá mầm (58 họ). Trong số đó, các họ có số chi và số loài nhiều nhất là họ đậu (Fabaceae) có 17 loài thuộc 10 chi, họ cà phê (Rubiaceae) có 15 loài thuộc 11 chi và họ thẩu dầu (Euphorbiaceae) có 12 loài thuộc 9 chi ■

Tài liệu tham khảo chính

1. Nguyễn Tiến Bàn (chủ biên) (1980), *Danh lục thực vật Tây Nguyên*.
2. Nguyễn Thọ Biên (2011), *Phát hiện 876 loài cây thuốc ở Lâm Đồng*. Tài liệu Sở Y tế Lâm Đồng.
3. Võ Văn Chi và cộng sự (1983), *Cây thuốc tại lâm trường Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng*. Trường Đại học Đà Lạt.
4. Võ Văn Chi và cộng sự (1985), *Hệ cây thuốc Tây Nguyên*. Đại học Y Dược Tp Hồ Chí Minh.
5. Võ Văn Chi (1997), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*. NXB Y học, Hà Nội.
6. Võ Văn Chi (1999), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*. NXB Y học, Tp Hồ Chí Minh.
7. Lê Trần Đức (1997), *Cây thuốc Việt Nam, trồng hái, chế biến trị bệnh ban đầu*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
8. Gary J. Martin (2002), *Thực vật dân tộc học*. NXB Nông nghiệp (sách dịch).
9. Nguyễn Bá Hoạt, Nguyễn Tập, Ngô Quốc Sự et al. (2000), *Đánh giá hiện trạng nguồn dược liệu Việt Nam*. Công trình nghiên cứu khoa học (1987-2000). tr. 597-599. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
10. Trần Công Khánh và Phạm Hải (2004), *Cây độc ở Việt Nam* (xuất bản lần 2). NXB Y học, Hà Nội.
11. Đỗ Tất Lợi (1995), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
12. Trần Đình Lý (chủ biên) (1993), *1900 loài cây có ích ở Việt Nam*. NXB Thế giới.
13. Viện Dược liệu (1993), *Tài nguyên cây thuốc Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.